TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2024/QĐCNTTLH	*TP Thanh Hóa, ngày 15 tháng 4 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ Điều 55, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Nguyễn Mạnh H và chị Trịnh Thị Hồng N;
Sau khi nghiên cứu:

- Đơn yêu cầu đề ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" của anh Nguyễn Mạnh H và chị Trịnh Thị Hồng N;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 3 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1987.

2. Chị Trịnh Thị Hồng N, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Lô D L KĐT Đ, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 3 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 3 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh H và chị Trịnh Thị Hồng N.

- Về con chung: Anh Nguyễn Mạnh H và chị Trịnh Thị Hồng N có hai con chung là cháu Nguyễn Anh H1, sinh ngày 15/7/2014 và cháu Nguyễn Hồng A, sinh ngày 11/8/2016. Ly hôn anh chị thoả thuận giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hồng A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Anh H và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh H và chị N có tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 4 LK5-2, khu đô thị M, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 769117, số vào sổ cấp GCN: CH 02294/1412/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 cho anh Nguyễn Mạnh H và chị Trịnh Thị Hồng N; theo Chứng thư thẩm định số 2403172/CTTĐ-AMC ngày 18/3/2024 của Công ty TNHH Q, cụ thể:

+ Đất ở đô thị: diện tích 235,8m^2, thửa đất số: Lô 4, tờ bản đồ số 4;

+ Nhà ở trên đất: nhà 04 tầng, diện tích xây dựng 133m^2, diện tích sàn 547m^2, kết cấu bê tông cốt thép.

Hai bên thoả thuận chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

+ Giao tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nêu trên cho chị Trịnh Thị Hồng N được quyền sử dụng và sở hữu.

Chị Trịnh Thị Hồng N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo nội dung Quyết định này.

+ Chị N phải thanh toán chênh lệch tài sản bằng tiền cho anh H là: 6.050.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán như sau:

Khi quyết định ly hôn có hiệu lực, chị N trả cho anh H cố tiền 3.050.000.000 đồng.

Số tiền còn lại 3.000.000.000 đồng, chị N trả cho anh H trong thời gian tiếp theo với thời hạn 24 tháng, mỗi tháng trả: 125.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Thanh Hóa;
- UBND xã Yên Lạc, H. Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Phương